

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN SÌN HỒ
TỈNH LAI CHÂU**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 04/2019/HNGĐ-ST
Ngày 23 tháng 9 năm 2019
V/v tranh chấp về ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SÌN HỒ, TỈNH LAI CHÂU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Đoàn Hằng Hải

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Văn Đông

2. Ông Sùng A Nhè

- Thư ký phiên tòa: Ông Chảo Hò Sơn

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sìn Hồ, tỉnh Lai Châu tham gia phiên tòa: Ông Phùng Văn Chử - Kiểm sát viên

Trong ngày 23 tháng 9 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Sìn Hồ, tỉnh Lai Châu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 05/2019/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 02 năm 2019, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2019/QĐXX-ST ngày 14 tháng 6 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Phan Thị T

Địa chỉ: Bản CC 2, xã CN, huyện SH, tỉnh LC.

Có mặt.

2. Bị đơn: Anh Đèo Hải D

Địa chỉ: Bản CC 2, xã CN, huyện SH, tỉnh LC.

Vắng mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Cháu Đèo Anh K

Sinh ngày 24 tháng 11 năm 2010

Địa chỉ: Bản CC 2, xã CN, huyện SH, tỉnh LC.

Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn là chị Phan Thị T trình bày:

Chị và anh Đèo Hải D là vợ chồng, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã CN, huyện SH, tỉnh LC vào ngày 23 tháng 04 năm 2010 và được hai bên gia đình có tổ chức cưới theo phong tục ở địa phương. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc. Ngày 24 tháng 11 năm 2010 vợ chồng sinh được 01 con chung là cháu Đèo Anh K. Đến khoảng tháng 5 năm 2018 vợ chồng nảy sinh mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm về kinh tế của gia đình do chị T ngoài việc chăm sóc gia đình còn phải chu cấp cho bố, mẹ đẻ của chị T và hai em còn nhỏ nhưng anh D không thông cảm, chia sẻ; do hai vợ chồng không còn yêu thương, quan tâm chăm sóc nhau; một số lần anh D uống rượu say có đánh chị T; Chị và anh D đã ly thân từ tháng 02 năm 2019 đến nay. Hiện nay tình cảm vợ chồng không còn, mục đích của hôn nhân không đạt được, chị đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn.

Về con chung: Chị và anh D có 01 con chung là cháu Đèo Anh K, chị và anh D đã tự thỏa thuận, anh D trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Đèo Anh K đến khi trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị và anh D tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này.

Về tài sản chung: Chị và anh D không có tài sản chung gì, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị và anh D không có khoản nợ chung nào.

Về án phí: chị T xin chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Tại biên bản ghi lời khai, bị đơn là anh Đèo Hải D trình bày:

Đơn khởi kiện nộp tại Tòa án đã thể hiện ý kiến, quan điểm của Anh. Đến nay, tình cảm vợ chồng không còn, Anh đồng ý ly hôn.

Về con chung: vợ chồng Anh, Chị có 01 con chung là cháu Đèo Anh K, vợ chồng Anh, Chị đã tự thỏa thuận, sau khi ly hôn, Anh sẽ trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu K đến khi cháu trưởng thành.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh không yêu cầu chị T phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Vợ chồng Anh, Chị không có tài sản chung gì. Chị T có một số tài sản riêng gồm: 01 chiếc máy giặt, 01 chiếc máy lọc nước, 01 chiếc máy tính và một số tài sản nhỏ khác chị T đã mang theo khi rời khỏi gia đình. Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung của vợ chồng Anh, Chị.

Anh và chị T không có khoản nợ chung nào.

Về án phí: Anh đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật, chị Thúy là người khởi kiện xin ly hôn, nên chị T phải nộp án phí.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sìn Hồ, tỉnh Lai Châu phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án tuân theo đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự; bị đơn không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án. Tuy nhiên không ảnh hưởng đến quá trình giải quyết vụ án.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Việc chị Phan Thị T đề nghị Tòa án xem xét giải quyết ly hôn với anh Đèo Hải D là phù hợp với Luật Hôn nhân và gia đình. Về quan hệ hôn nhân: căn cứ vào Điều 51, 55 và Điều 57 của Luật Hôn nhân và gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử xử lý hôn giữa chị T và anh D. Về con chung khi ly hôn: các đương sự đã thỏa thuận thống nhất với nhau, khi ly hôn bị đơn sẽ là người nuôi dưỡng con chung là cháu Đèo Anh K cho đến khi cháu K trưởng thành. Căn cứ vào các Điều 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử giao cho anh D trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu K cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Về cấp dưỡng nuôi con sau ly hôn: các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề nghị xem xét giải quyết. Về tài sản chung: các đương sự không có tài sản chung, nên không đề nghị xem xét giải quyết. Về án phí: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, chị T phải nộp án phí vụ án dân sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Yêu cầu khởi kiện của chị Phan Thị T là quan hệ “tranh chấp về ly hôn”, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Sìn Hồ, tỉnh Lai Châu theo khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn là anh Đèo Hải D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai vắng mặt tại phiên tòa mà không có lý do chính đáng, nên Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn là phù hợp với quy định tại các Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về yêu cầu khởi kiện của chị Phan Thị T:

Chị và anh Đèo Hải D là vợ chồng, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã CN, huyện SH, tỉnh LC vào ngày 23 tháng 04 năm 2010 và được hai bên gia đình có tổ chức cưới theo phong tục ở địa phương. Trước khi kết hôn hai vợ chồng tự nguyện tìm hiểu và yêu thương nhau, không có ai lừa dối, ép buộc kết hôn. Do

đó, quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh D là hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc. Ngày 24 tháng 11 năm 2010 vợ chồng sinh được 01 con chung là cháu Đèo Anh K. Đến khoảng tháng 5 năm 2018 vợ chồng nảy sinh mâu thuẫn, do hai vợ chồng có bất đồng về vấn đề kinh tế của gia đình; anh D khi uống rượu say thường có hành vi đánh chị T, Chị và anh D đã ly thân từ tháng 02 năm 2019 đến nay. Hiện nay tình cảm vợ chồng không còn, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Chị T có quyền đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 51 của Luật Hôn nhân và gia đình. Có đủ căn cứ để áp dụng Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Phan Thị T.

[3] Về con chung: Chị và anh D có 01 con chung là cháu Đèo Anh K, chị và anh D đã tự thỏa thuận, anh D trực tiếp chăm nom, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Đèo Anh K đến khi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Thỏa thuận việc trông nom, chăm sóc, giáo dục con sau ly hôn giữa chị T và anh D là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định tại Điều 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình, bảo đảm quyền lợi cho chị T, cháu K và anh D. Cần thiết áp dụng Điều 246 của Bộ luật Tố tụng dân sự để công nhận sự thỏa thuận giữa chị Phan Thị T và anh Đèo Hải D về việc nuôi con chung khi ly hôn.

Chị T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở; Trường hợp chị T lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì anh D có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của chị T; Anh D có quyền yêu cầu chị T cùng các thành viên gia đình tôn trọng quyền được nuôi con của mình; Anh D cùng các thành viên gia đình không được cản trở chị T trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị và anh D tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này.

[5] Về tài sản chung: Chị và anh D không có tài sản chung gì, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6] Về khoản nợ chung: Chị và anh D khai nhận không có khoản nợ chung nào. Tòa án không xem xét giải quyết.

[7] Về án phí:

Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Nghị quyết 326 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, chị T phải nộp 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Chị T đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí sơ thẩm, theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí số: AA/2010/0001961 ngày 19 tháng 02 năm 2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Sìn Hồ, tỉnh Lai Châu.

Nay chuyển tiền tạm ứng án phí thành án phí sơ thẩm. Chị T không phải nộp án phí sơ thẩm nữa.

[8] Về quyền kháng cáo:

Theo quy định tại Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự, nguyên đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 55, 57, 58, 81, 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 4 Điều 147, Điều 246, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội,

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Phan Thị T

2. Về quan hệ hôn nhân:

Xử: Ly hôn giữa chị Phan Thị T và anh Đèo Hải D,

Quan hệ hôn nhân giữa chị Phan Thị T và anh Đèo Hải D chấm dứt kể từ ngày bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

3. Về con chung: Công nhận thỏa thuận về con chung của chị Phan Thị T và anh Đèo Hải D: Anh Đèo Hải D trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Đèo Anh K đến khi cháu K đủ 18 tuổi.

Chị Th có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở; Trường hợp chị T lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì anh D có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của chị T; Anh D có quyền yêu cầu chị T cùng các thành viên gia đình tôn trọng quyền được nuôi con của mình; Anh D cùng các thành viên gia đình không được cản trở chị T trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

4. Về cấp dưỡng nuôi con: Tòa án không xem xét, giải quyết.

5. Về chia tài sản chung của vợ chồng: Tòa án không xem xét, giải quyết.

6. Về án phí: Chị Phan Thị T phải nộp 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Chị T đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí, nay chuyển

300.000 đồng tạm ứng án phí chị T đã nộp thành tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Chị T không phải nộp thêm tiền án phí nữa.

7. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (ngày 23 tháng 7 năm 2019); bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lai Châu;
- VKSND huyện Sìn Hồ;
- Chi cục THADS huyện Sìn Hồ;
- UBND xã Chăn Nưa;
- Các đương sự;
- Lưu HS vụ án

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đoàn Hằng Hải